

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2021

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Bùi Thị Thịnh

2. Bà Không Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05, ngày 25/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1993. Có mặt

- Bị đơn: Anh Chu Đức T; sinh năm 1993. Vắng mặt lần 2 không có lý do

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Chu Đức T xây dựng gia đình với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Chính vì vậy, đầu năm 2020 chị đã làm đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn, sau khi được khuyên giải chị đã rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị cũng không cải thiện được. Do đó, tháng 11/2020 chị đã bỏ về bên ngoại sinh sống và cũng từ đó đến nay chị và anh Chu Đức T đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người sống một nơi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cố duy trì thì cuộc hôn nhân cũng không hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Đức T.

Về con chung: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị T và qua việc xác minh tại chính quyền địa phương, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Chu Đức T có 02 con chung là cháu Chu Đức Đ, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Chu Đức H, sinh ngày 20/11/2019. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao cháu Chu Đức Đ cho anh Chu Đức T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chu Đức H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Chu Đức T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh Chu Đức T theo Luật tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương xã T, huyện B trực tiếp tổng đạt, thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, anh Chu Đức T biết nhưng vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nên Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con giữa các đương sự tại chính quyền địa phương và niêm yết các văn bản tố tụng để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Đức T. Về con chung chị đề nghị giao cho anh Chu Đức T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chu Đức Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chu Đức H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh Chu Đức T đã không tuân thủ và không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, về quan hệ hôn nhân đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Chu Đức T. Về nuôi con chung, đề nghị xử giao cho anh Chu Đức T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chu Đức Đ, sinh ngày 19/6/2015 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chu Đức H, sinh ngày 20/11/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án anh Chu Đức T đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Chu Đức T cố tình trốn tránh không chấp hành, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Chu Đức T theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Chu Đức T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và các biên bản xác minh tại xã Tân Thành thấy rằng: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Đức T về chung sống với nhau từ năm 2014 có sự tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình về chung sống, vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị

Nguyễn Thị T là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đầu năm 2020 chị đã làm đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn, sau khi được khuyên giải chị đã rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị cũng không cải thiện được. Ngoài ra, trên cơ sở xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị đã xảy ra nhiều lần, chị Nguyễn Thị T đã bỏ anh Chu Đức T về bên ngoại sinh sống và sống ly thân anh T từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Chu Đức T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị Nguyễn Thị T vẫn một mực xin được ly hôn anh Chu Đức T. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Chu Đức T.

[4] Về việc nuôi con chung: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và các biên bản xác minh tại xã Tân Thành đã xác định chị Nguyễn Thị T và anh Chu Đức T trong quá trình chung sống có hai con chung là cháu Chu Đức Đ, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Chu Đức H, sinh ngày 20/11/2019. Quan điểm của chị T khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao cho anh Chu Đức T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chu Đức Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chu Đức H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung là hợp tình, hợp lý phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án anh Chu Đức T không tham gia tố tụng và cũng không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định, tuy nhiên trên cơ sở xác minh tại xã thì hiện nay cháu Chu Đức Đ đang sống cùng bố và ông bà nội tại thôn T, xã B, còn cháu Chu Đức H hiện đang sống cùng với mẹ và ông bà ngoại tại tổ 9, thị trấn V. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về việc chăm sóc đối với hai cháu cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, giao cho anh T, chị T mỗi người nuôi dưỡng một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Chu Đức T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về việc nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Đức H, sinh ngày 20/11/2019; anh Chu Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chu Đức Đ, sinh ngày 19/6/2015, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0001293, ngày 26/11/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Hà Giang;
 - VKSND huyện Bắc Quang (02 bản);
 - Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
 - UBND thị trấn V
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư

